TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/7/2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 549/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024, Quyết định hoãn phiên toà, Thông báo thay đổi lịch phiên toà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Đài Loan.

Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản: Anh Lương Xuân A, sinh năm 1989 ; địa chỉ: Thôn G G, V, Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn V**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) phường A, thành phố C vào ngày 16/02/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị T đi Đài Loan

lao động. Khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp về tính cách, quan điểm sống. Bản thân anh V không tu chí làm ăn, không không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không hạnh phúc. Từ khi đi Đài Loan chị T thỉnh thoảng có về Việt Nam thăm nhà nhưng không chung sống cùng anh V. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Việt A1 sinh ngày 07/9/2008 và Dương Phương Vi sinh ngày 21/6/2011, hiện đang ở với anh V. Khi ly hôn nếu anh V có nguyện vọng nuôi cả 02 con hoặc mỗi người nuôi 01 con thì chị T đồng ý, tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng tiền nuôi con. Nếu anh V không có nguyện vọng nuôi con thì chị T đồng ý nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Do chị T đang ở Đài Loan nên nếu được giao quyền nuôi con thì chị T uỷ quyền cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị H, sinh năm 1957, ở thôn N, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng chăm sóc các cháu trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho anh Lương Xuân A thay chị giao nhận văn bản với Toà án.

Tại bản tự khai, anh Lương Xuân A trình bày: Anh đồng ý nhận uỷ quyền của chị T để giao nhận văn bản với Toà án; cam kết thực hiện đúng nội dung của giấy uỷ quyền, nhận các văn bản của Toà án và thông báo, gửi ngay cho chị T. Chị T trình bày sẽ lao động ở Đài Loan trong thời gian dài, chưa có dự định về Việt Nam nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh V. Trong trường hợp Toà án giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị T uỷ quyền cho ông B, bà H1 thay chị chăm sóc các con trong thời gian chị T không ở Việt Nam và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, bà Hoàng Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lương Thị T, anh Dương Văn V là chồng chị T và là con rể của bà. Bà không rõ mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng chị T, anh V là gì, chỉ biết sau khi chị T đi Đài Loan lao động, mỗi lần về Việt Nam thăm nhà thì chị T lại về nhà bà H ở. Nay chị T xin ly hôn với anh V, trước đây chị T có quan điểm là nếu chị T được giao quyền nuôi con thì uỷ quyền cho bà H thay chị T chăm sóc các cháu trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Tuy nhiên các cháu ở cùng ông bà nội từ nhỏ đến lớn đã quen nên nay chị T thay đổi quan điểm, nếu được giao quyền nuôi con thì chị T uỷ quyền cho ông bà nội là ông B, bà H1 chăm sóc thay trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Dương Văn B1 và bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Ông bà là bố mẹ của anh Dương Văn V, chị Lương Thị T là vợ của anh V và là con dâu ông bà. Anh V và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A) năm 2009. Sau khi kết hôn anh V, chị T chung sống cùng ông bà tại khu dân cư Trại Nẻ được khoảng 10 năm thì chị T đi nước ngoài lao động. Thỉnh thoảng chị T vẫn về thăm nhà, chỉ đến năm ngoái thì chị T về ở nhà mẹ đẻ, không ở cùng ông bà nhưng vẫn về thăm các con. Ông bà không rõ giữa chị T, anh V có mâu thuẫn gì, khi ở nước ngoài chị T vẫn liên lạc về hỏi thăm các con. Do đó đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Anh V và chị T có 02 con chung là Dương Việt A1 sinh ngày 07/9/2008 và Dương Phương Vi sinh ngày 21/6/2011, hiện đang ở với ông bà. Khi chị T ly hôn anh V, Toà án giao cho ai quyền nuôi con thì ông bà cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc các cháu vì các cháu đã sinh sống với ông bà từ nhỏ, chi phí chăm sóc không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh V và chị T không có tài sản chung, nợ chung. Về phần anh V thì thời gian gần đây anh V đã đi C-pu-chia lao động, cụ thể đi bằng phương thức nào thì không rõ, ông bà chỉ được anh V thông báo như vậy. Ông bà cũng không biết địa chỉ của anh V ở C-pu-chia để cung cấp cho Toà án nhưng thỉnh thoảng vẫn liên lạc với anh V nên đồng ý nhận các văn bản của Toà án và cam kết thông báo ngay cho anh V.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Dương Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân : Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ban đầu vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh V tại khu dân cư T, phường A. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2016 chị T đi Đài Loan lao động. Trong 2-3 năm đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc nhưng sau đó chị T dần dần cắt đứt liên lạc với anh V, khi về Việt Nam thăm gia đình cũng chủ yếu ở nhà bố mẹ đẻ. Anh V cho rằng nguyên nhân do chị T có quan hệ ngoài luồng với người khác. Hiện anh V xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên chị T xin ly hôn thì anh V đồng ý.
- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, hiện 02 con đều đang ở với anh V. Thời gian trước anh V đi C-pu-chia nhưng nay anh V đã về Việt Nam nên đề nghị Toà án giao cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, chị T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho mỗi con từ khi xét xử đến khi trưởng thành thì anh V đồng ý.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Công văn số 34325/QLXNC-P3 ngày 20/12/2023, Cục Q – Bộ C cung cấp chị Lương Thị T xuất cảnh lần gần nhất ngày 24/9/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Lương Thị T ly hôn anh Dương Văn V; giao con chung Dương Việt A1 sinh ngày 07/9/2008 và Dương Phương Vi sinh ngày 21/6/2011 cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc chị T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/con/tháng cho con chung đến khi con chung thành niên; chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung với anh V. Chị T, anh V đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị T hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, các đươg sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì chị T đi Đài Loan lao động. Chị T cho rằng năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do không hợp về tính cách, quan điểm sống, anh V không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh V cho rằng chị T có quan hệ ngoài luồng với người khác nên đối xử lạnh nhạt, cắt đứt liên lạc với anh V. Xét thấy chị T và anh V ly thân đã lâu, mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, không thể kéo dài, chị T xin ly hôn thì anh V đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn anh V.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là Dương Việt A1 sinh ngày 07/9/2008 và Dương Phương Vi sinh ngày 21/6/2011, hiện đang ở với anh V. Anh V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành thì chị T đồng ý, các con chung cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên, nguyện vọng của con chung và để hạn chế sự xáo trộn về môi trường sống, giáo dục của trẻ, cần giao cả 02 con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc chị T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con từ khi xét xử đến khi con chung thành niên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chung và anh V cũng đồng ý nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T ly hôn anh Dương Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Việt A1 sinh ngày 07/9/2008 và Dương Phương Vi s ngày 21/6/2011 cho anh Dương Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lương Thị T về việc chị T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Chị Lương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do anh Lương Xuân A nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày

29/11/2023 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000329; chị T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường A, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng